

1.

Khi ông già đó tới tòa soạn lần thứ ba thì các nhân viên ở Ban Trị sự của báo đưa mắt nhìn nhau, có ý hỏi : nên nói với ông ấy như thế nào để ông khỏi đến nữa. Nhìn tướng ngoài cũng biết ông ấy là một cán bộ nhà nước đã nghỉ hưu, mặt mũi hiền lành, nhẵn nhục, nhìn ai cũng như hơi mỉm cười, cái cười làm quen, câu thân của nhiều người già. Tất nhiên không phải là một người già của Hà Nội. Ông mặc một cái áo dạ đen dài gần chấm gối, đã bạc đã cũ, quần kaki màu xám và đi đôi giày vải, đế cao su đen, luôn ôm bên người một cái cặp da căng phồng. Lần đầu hỏi, ông đến có việc gì, ông trả lời ấp úng : "Tôi chờ một ông bạn". Những người như thế đến tòa báo chờ một ai đó cũng là thường, ngày nào chả có. Nên không ai hỏi thêm. Ông ta ngồi khoảng chừng một tiếng, nhìn ai cũng như có hơi quen biết, khẽ nghiêng đầu và cười mỉm, những người kia cũng gật đầu chào lại, vẻ mặt thân thiện vì họ đâu có biết ông là ai. Lần thứ hai cách đó vài ngày, ông cũng vẫn chào mọi người rất lễ phép rồi ngồi vào cái ghế đầu kê ở góc phòng khách. Nhân viên tòa báo đến mời ông ngồi ghế có lót bọc và rót một tách trà mới pha. Ông chỉ hơi nhồm người cảm ơn rồi vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, vẫn nhìn chăm chú tất cả, những bức tranh treo trên tường và những nhân viên ăn mặc sang trọng đang làm việc ở phòng bên qua lớp kính, nhìn chăm chú lắm, nếu không có nụ cười hiền lành thì cái sự nhìn chăm chú ấy là rất đáng ngờ. Lần này là lần thứ ba, mấy người của báo còn chưa biết xử trí ra sao thì một anh trong ban biên tập đi ngang qua biết chuyện liền bước vào nói với ông già rất lễ phép : "Thưa bác, bác đến báo đưa bài, hỏi bài hoặc cần gặp ai để cháu giúp ?". Ông lão nhìn người hỏi rất thân thiết, nói nhỏ nhẹ : "Tôi chờ gặp mấy người quen cũ" - "Thưa bác, là những anh nào ạ ?" - "Anh Vũ Tú Nam còn làm ở đây không ?" - "Chắc đã lâu lắm bác không đến báo, chú Vũ Tú Nam từ lâu không ở báo nữa ạ" - "Thế anh Nguyễn Văn Bổng ?" - "Bác Bổng cũng nghỉ hưu lâu rồi ạ". Quả thật ông này chả hề biết một tí gì về Hội Nhà văn những năm gần đây. Là hội viên thì không phải rồi mà cũng không thể là người Hà Nội. Người Hà Nội đã là trí thức như gương mặt ông này, dẫu làm nghề chả liên quan gì đến viết lách vẫn biết mọi sự xảy ra ở Hội Nhà văn, nhiều người còn biết rành rẽ hơn các hội viên ở xa nữa. Ông này là ai nhỉ ? Chưa kịp hỏi gì thêm thì người kia đã nói tiếp, thì thào, thủ thủ, lại như có chút xúc động trong giọng nói thì phải. Anh nhà báo vừa nghe vừa đưa mắt nhìn qua cánh cửa sắt, hình như anh cũng đang chờ ai tới, lỡ bước vào hỏi một câu, không chừng phải ngồi với ông này cả giờ. "Cách đây mấy chục năm tôi là cộng tác viên của báo, thỉnh thoảng cũng có truyện ngắn được đăng. Mỗi lần đến tòa soạn các anh ở báo coi như người trong nhà". Anh nhà báo cười gượng gạo, mắt vẫn đảo nhìn ra ngoài : "Cái năm ấy chắc bọn cháu còn đang học tiểu học". Ông già lại nói : "Một đời người nghĩ cũng nhanh, anh nhỉ ? Chỉ mới đây thôi mà đã là một kiếp khác rồi". Người tiếp chuyện vẫn cười gượng ép, trả lời lấy lệ, mắt vẫn nhìn nhón nhác nơi khác : "Vâng, vâng đúng thế". Người kia lại nói : "Cũng còn may đường phố này, cái nhà này tuy thay đổi, nhưng vẫn là nó, nhìn từ xa tôi vẫn nhận được ra nó. Có điều cái nhà cũ thì thấp và tối, bây giờ thì cao hơn nhiều, nhìn vào đâu cũng thấy sáng". Anh nhà báo đứng vội lên, cáo lỗi : "Cháu có việc phải ra ngoài, bác cứ ngồi đây chơi, có ai hỏi bác cứ bảo đợi cháu có việc, cháu là Minh Thi". Ông già cũng đứng lên theo, nắm lấy tay anh nhà báo, chắc cũng là nhà văn nhà thơ gì đây, đã hiểu rõ nỗi lòng của ông, đã đưa tay ra để ông có cơ trả lời, có cơ ngồi lại, có cơ đến nữa.

2.

Truyện ngắn đầu tiên anh viết năm anh mới 35 tuổi. Năm ấy anh là cán bộ tuyên huấn của nông trường Mộc Châu sau mười lăm năm là lính. Vợ anh là cô giáo dạy văn cấp 3 ở Hà Nội. Vợ chồng anh đã có hai con, một trai một gái, trai lên bảy, gái lên năm. Anh về Hà Nội học nghị quyết của Trung ương và dự một số cuộc họp của Bộ Nông trường khoảng nửa tháng. Trong nửa tháng, ngày đi họp, tối về trông con gái đang lên sởi để bà ngoại được nghỉ, vừa đặt bút viết thử một truyện ngắn về một cặp vợ chồng ở nông trường. Mỗi tình của họ cũng gần giống với mỗi tình của vợ chồng anh hồi mới quen nhau, thời còn đánh Pháp. Họ sống với nhau, thương yêu nhau, cãi cọ nhau, nuôi dạy con cái cũng giống hệt với gia đình anh nhưng vui hơn, lắm chuyện hơn và cũng có chuyện buồn hơn. Viết về người như viết về mình, lại có khoảng cách vừa phải để ngẫm nghĩ, để ngẫm nghĩ nên anh viết rất nhanh, hơi văn tự nhiên, chân thật, có đoạn tự mình bật cười thành tiếng, có đoạn muốn ứa nước mắt. Đêm viết mấy trang cuối thì con bé đã hết sởi, mụn sởi đã mọc xuống chân, đòi ăn cháo và đêm ngủ rất ngoan nên cái mừng của người cha trông con đau sắp khỏi cộng với cái mừng của người viết đã lia bút tới phần kết khiến ngòi bút như bay trên trang giấy, nhìn không rõ nét chữ nữa. Vợ anh nằm ôm con trong chăn, lát lát lại mở choàng mắt, hỏi bằng cái giọng ngái ngủ : "Anh định viết

hết đêm à ?" - "ừ, viết cho xong, để lấy nhây sốt ruột lắm" Vợ cười khẽ trong lòng con : "Nói như ông nhà văn thực thụ!" Chồng cười nhưng vẫn không ngừng tay : "Biết đâu đấy ! Cô đừng có cười mà rồi hối !" Giọng của vợ đã tỉnh hẳn nhưng vẫn là giọng đùa : "Thì bố em đã nói em có số lấy chồng là văn nhân mà".

Trước ngày về nông trường anh đeo con trai đến tòa báo Văn Nghệ để gửi bài. Trong thư đã ghi rõ địa chỉ mà cả tháng sau vẫn chưa nhận được thư trả lời là được hay chưa được. Tết được về Hà Nội một tuần ăn tết với vợ con, trời rất rét vẫn đeo con trai phía sau lưng qua lại trước tòa báo mà chưa quyết định được dứt khoát là nên vào hỏi hay không nên vào. Vì cũng sợ nếu nhà báo trả lời là không dùng được có phải mất vui cả mấy ngày tết không. Hy vọng thêm một ngày vẫn tốt hơn là thất vọng hoàn toàn. Thành bé lên bảy, học lớp 2 nhưng đã rất khôn, nó ngồi phía sau hỏi : "Tại sao bố không vào hỏi bài của bố ? Bố sợ các bác ấy mắng à ?" Anh không trả lời, nó lại hỏi : "Bố buồn à ?" Anh phì cười : "Hai con khỏe và ngoan là bố vui lắm" Rồi anh nói thêm, chắc thành bé chưa thể hiểu : "Bố vui buồn vì các con chứ ai lại vui buồn vì cái chuyện văn chương vớ vẩn". Truyện ngắn ấy được tòa soạn xếp vào loạt truyện dự thi Truyện ngắn hay của báo năm 1960, khi kết thúc nó được Ban Giám khảo tặng giải nhì. Cô vợ bảo chồng : "Đọc trên báo thấy hay hơn đọc trên bản viết tay nhiều. Các bạn em phục anh lắm, không chừng anh thành nhà văn thật cũng nên" Anh chồng vênh bộ mặt đầy râu, nói tỉnh bơ : "Chồng nói không tin lại thích tin người ngoài".

3.

Trong mười năm hầu như năm nào anh cũng có một hoặc hai truyện ngắn đăng trên báo. Tên anh đã được chờ đợi trong giới văn của Hà Nội và những người yêu thích văn học trong ngành giáo dục. Các con lớn dần lên, nghĩ là đã đến lúc nhàn ngơi đâu vợ anh mỗi năm một yếu đi vì chứng bệnh nan y của phụ nữ. Đau đau yếu yếu vẫn không bỏ dạy, vẫn chăm lo mọi việc để người chồng đỡ phải đi về nhiều lần Mộc Châu - Hà Nội. Anh đã ngoài bốn chục tuổi, thuở trẻ anh có đủ thứ bệnh, toàn là những bệnh do chiến tranh để lại. Càng có tuổi các bệnh cũ như mất dân, mười năm không ốm một ngày nào, không đi bệnh viện một lần nào, vào bệnh viện chỉ để trông vợ ốm với con đau. ở nông trường thì việc nước, việc nhiều người ít, làm đủ mọi việc, không còn thì giờ ngồi ăn, ngồi thờ. Về nhà thì việc gia đình, vợ vừa bận vừa đau ốm, những việc lớn trong nhà đều phải đợi người đàn ông về thu xếp. Giỏi nhà, quét vôi, làm lại đường dây điện, làm gác xếp cho con lớn có chỗ ngồi học, khách đến có chỗ ngủ qua đêm. Đường từ Mộc Châu về Hà Nội có lần đi xe của nông trường, nhiều lần chỉ đi xe đạp, cái xe không chắn bùn, không chắn xích, không chuông, không cả phanh, trần trụi, gầy guộc như ông già còi trổng, đeo lặc lè phía sau nào gạo, nào ngô, đỗ, khoai đã xát mỏng phơi khô, phía trước thì các bị cối lớn nhỏ nhét đầy gà mền đựng mỡ, thịt rừng đã sấy khô, măng khô và cả ổi đã nghiền thành bột phơi khô. Phần của anh có một ít, phần mua lại của anh em một ít, Hà Nội cái gì chả có nhưng đất, đặc sản của rừng lại càng đắt. Tất cả những nông nổi ấy, những tính toán ấy đều vào truyện của anh cả. Những nhân vật của anh người nào cũng vất vả, cũng có bao nhiêu lo nghĩ, toàn những cái lo vất vả của đời thường nhưng không có ai buồn, không có ai mất lòng tin vào ngày mai, cái buồn, cái khổ và bao nhiêu hy vọng hư có thực có như chảy vào, thấm vào mỗi trang viết, thấp thoáng giữa những dòng chữ, trong từng con chữ nên câu văn, chữ dùng chả có gì là đặc sắc, là hiếm quý mà vẫn quyến rũ người đọc. Đọc truyện của người mà như được nhìn lại đời mình, lại là một cái nhìn đã tỉnh táo, đã vượt khỏi cái bề bộn, vật vờ của mỗi ngày để nhìn được xa hơn, cao hơn, nhẹ nhõm hơn.

4.

Trong mười bảy năm anh viết được khoảng hai mươi cái truyện ngắn và bút ký. Truyện đầu tiên anh viết trong một đêm có tiếng nói mê của con lớn, tiếng khóc u ơ của đứa nhỏ và cái giọng ngái ngủ của vợ, lát lát lại giục anh ngừng viết để vào nằm với hai con. Mười tám năm sau, năm 1978 anh viết truyện ngắn "Tiền con đi xa", chưa nghĩ tới chuyện gác bút không đề lại là cái truyện ngắn cuối cùng. Anh vẫn ngồi viết trong gian nhà cũ, trên cái bàn mộc kê giữa hai cái giường đôi. Cái bàn đã trở lại mặt mộc của tấm ván ép, hai góc bàn mép ván đã bật khỏi đinh đóng vênh cong lên. Vẫn là đồ đạc cũ, không thêm một cái gì, chỉ có thêm cái bàn thờ đóng ở phía trên bàn viết, đặt ba tấm hình lồng trong khung kính, hình giữa là mẹ vợ, hình bên trái là vợ, hình bên phải là con trai. Ba thế hệ đều buồn bã chứng kiến người đàn ông tóc đã bạc sớm sống lủi thủi trong gian nhà trở nên quá rộng, nấu một song cơm nhỏ, kho một niêu cá nhỏ và ngồi ăn một mình, ngủ một mình và đêm viết cũng một mình. Anh vẫn ngồi viết tới khuya trên cái giường trống vẫn chưa buông màn, không có tiếng động nào ngoài tiếng ngồi bút sắt cạo soàn soạt lên mặt giấy xấu.

Năm 1970 con trai anh mười bảy tuổi, vừa tốt nghiệp trung học phổ thông nhưng không thi vào đại học mà muốn tòng quân làm nghĩa vụ người trai thời chiến. Nhà con trai một, thành bé lại tháo vát và học giỏi, đã có

thể thay bố làm ông chủ nhỏ của gia đình. Đi rồi về học lại cũng chả sao. Chỉ sợ có đi mà không thể về thì cái phần còn lại của gia đình sẽ sống như thế nào ? Mẹ nó nói thế rồi khóc. Người bố cũng nghĩ thế nhưng anh đã là người lính thời đánh Pháp, anh lại còn là người viết, anh sẽ còn dám viết gì nếu anh không ủng hộ một nguyện vọng rất đẹp của lứa tuổi nó khi đất nước còn chưa dứt tiếng súng. Nên anh đã nói, hãy để cho con tự quyết định, nó có danh dự của nó, của thể hệ nó, không một ai có quyền ngăn cản, kể cả bố mẹ. Thằng bé lên đường đầu năm 71, qua thư gửi nó đã có mặt ở nhiều chiến trường, tới tháng 3 năm 75 thì nó hy sinh ở Plâycu. Tin thằng bé hy sinh mãi cuối năm 75 gia đình mới được biết. Mẹ nó đã không còn đủ nghị lực để chống chọi với bệnh tật của mình, nằm liệt khoảng hai tháng rồi mất giữa năm 76. Bà ngoại nó mất vào cuối năm mới ở tuổi 70. Cuối năm 77 con gái đi lấy chồng. Hai đứa yêu nhau từ những năm còn học trường trung cấp sư phạm. Khi chúng nó xin với anh được làm hôn lễ vào cuối năm, cũng là cưới chạy vì mẹ chồng đang đau nặng, khó mà sống qua được vụ rét, anh cũng giận. Nhà đang có bao nhiêu là chuyện buồn mà con gái chỉ nghĩ đến cái vui riêng của nó sao ? Nghĩ thoáng thế rồi lại tự nhủ, mình là người viết văn, đâu viết nghiệp dư cũng vẫn là người viết, thì không thể nghĩ nông cạn như mọi ông bố khác được. Mỗi lứa tuổi đều có cái vui cái buồn riêng, không hoàn toàn giống nhau. Những buồn vui của tuổi trẻ đều hướng về tương lai, hướng về đoạn đời rất dài còn lại của chúng nó. Con gái chọn chồng còn quan trọng hơn đứa trẻ chọn cửa để sinh ra. Chọn cửa sinh là ông trời chọn, hay dở cũng chỉ trong khoảng mười lăm năm. Còn chọn chồng là tự mình chọn, hay dở phải chịu suốt một đời người. Mình buồn rồi mình chết, không sao cả, buộc con gái phải buồn theo mình để lỡ mất vận may, ai sẽ san sẻ với nó những cái khổ sau này ? Lúc đầu cả hai đứa đều có vẻ sợ vì mặt ông bố trở nên ngờ ngàng, căng thẳng. Tự chúng nó cũng cảm thấy có lỗi vì đã nói cái chuyện riêng của chúng nó vào cái lúc rất không nên nói. Nhưng chỉ một lúc sau các nếp nhăn trên mặt người bố như dần ra, ông nhìn hai đứa rất âu yếm rồi nói nhỏ : "Bố bằng lòng. Còn một tháng nữa, phải không ? Chỉ tiếc nếu mẹ còn sống thì chúng mày cũng đỡ vất vả".

Anh đã viết đúng như thế, không thêm bớt một tí gì, nghĩ là một chuyện buồn nhưng lại không hẳn là buồn, một nhà phê bình đã viết thế. Người sống vẫn phải tiếp tục sống với những công việc của hôm nay, của ngày mai. Trong cái vui vẫn lấp ló nhiều cái buồn vì chiến tranh chỉ vừa kết thúc, vết thương chưa kịp kín miệng nhưng những người còn sống vẫn buộc phải cười, phải vui với cái đang tới.

5.

Khoảng vài ngày sau, ông già mang cặp, bạn viết lâu năm của báo, lai lò dò đến. Lần này không đợi ai hỏi, ông đến trước một nhân viên của báo nói thầm thì : "Xin chị tha lỗi, tôi muốn được gặp anh Minh Thi". Một lát sau Minh Thi từ trên lầu chạy xuống, thấy ông già đang ngồi chờ ở phòng khách, anh hỏi mừng rỡ như họ đã quen nhau từ lâu: "Bác chờ cháu đã lâu chưa ?" Ông lão đứng dậy : "Thưa, tôi cũng vừa tới, tôi đến để chào anh, ngày mai tôi về dưới tỉnh". Minh Thi nói : "Sáng nay cháu rồi, hai bác cháu ta ra quán uống ly rượu chia tay". Minh Thi gọi hai ly cô nhắc Pháp và một đĩa gỏi ngó sen. Ông già hớp một chút rượu, vẫn cầm ly trên tay, lòng mắt đã bạc nhìn mông lung ra phía đường. Nhà báo trẻ hỏi : "Lần này bác có gửi cho báo truyện mới nào không ?" Ông già đặt ly rượu xuống ngậm ngùi : "Tôi viết không được nữa anh ạ. Xưa kia tôi sống vội vã, căng thẳng với rất nhiều dự tính, nhiều hy vọng, chả là mọi sự mới chỉ bắt đầu. Có ý tưởng gì hay viết được ra liền, câu chữ đuổi nhau ở đầu ngòi bút, ngăn không nổi, chữ nào cũng tươi, cũng xanh như mới được dùng lần đầu... Còn bây giờ, tôi hoàn toàn tự thả lỏng, đập dềnh nửa thức nửa ngủ, trôi theo con theo cháu, không phải lo bất cứ việc gì, cũng không hy vọng cho riêng mình bất cứ cái gì. Đã nghĩ người không còn gì để lo, không còn việc gì để làm, rồi rồi cả ngày cả tháng thì ngồi viết bao lâu cũng được, ngồi viết cả năm, cả nhiều năm cũng vẫn được. Nào ngờ không còn chữ để viết, chúng đã trốn đâu mất sạch. Chỉ viết được đoạn mở đầu, truyện nào cũng chỉ viết được vài dòng mở đầu. Sao thế nhỉ? Mãi lâu về sau tôi mới hiểu, khi mình không còn gì để buồn, để lo, để hy vọng thì chữ nghĩa cũng héo dần, chết dần. Bây giờ thì chúng đã chết cả loạt rồi, chúng chết trước tôi mới đau chứ !"

Khi Minh Thi hỏi, hai bác cháu còn cơ hội gặp nhau lần nữa không, thì ông già nhấp nháy mắt nhìn anh, trong mắt như có ngấn nước : "Chắc là không bao giờ. Tôi đã ngoài bảy chục tuổi rồi, đâu còn sống cũng khó có việc buộc được tôi lên Hà Nội lần nữa. Tờ báo của các anh ấy mà, nó gói ghém nhiều đời người nhiều đời văn lắm đấy. Những đời văn thăng trầm, vất vả của một cái nghiệp làm người. Không có những cuộc đời ấy đổ vào cho báo làm sao nó sống được đến tận hôm nay".

Ông lão đã đi được một lúc nhà báo trẻ mới chợt nhớ anh chưa từng hỏi tên ông ta. Ông ta là ai nhỉ, có bút danh là gì nhỉ, đã viết những truyện ngắn nào nhỉ ? Vì anh không hỏi nên ông già cũng không nói. Một bạn viết có một lai lịch hơi đặc biệt đã chạm vào tay anh nhưng anh đã không nắm giữ lấy nên ông ta lại lặng lẽ

chuỗi đi vào cõi vô danh.
